3 My things

Lesson Two Grammar

I. Listen and repeat – Nghe và đọc theo.

This is your CD.
That's our camera.
That's their CD player.

Can I use your DVD player?
Yes, you can. No, you can't.

II. Grammar – Ngữ pháp.

A. Possessive adjective – Tính từ sở hữu.

Đại từ nhân xưng	Tính Từ Sở Hữu
Tôi: I →	MY: của tôi
Chúng tôi WE →	OUR: của chúng tôi, của chúng ta
Bạn: YOU →	YOUR: của bạn
Các bạn: YOU →	YOUR: của các bạn
Anh ấy: HE →	HIS: của anhấy
Cô ấy: SHE →	HER: của cô ấy
Nó: IT →	ITS: của nó
Họ, chúng nó: THEY →	THEIR: của họ, của chúng

Examples:

1. This is my book. - Đây là quyển sách của tôi.
2. That's your CD player. – Đó là máy chạy đĩa CD của bạn.
3. This is our School. – Đây là trường của chúng tôi.

Practice Exercise:

***1.* Join the pronouns with the correct possessive adjective.**
Nối đại từ nhân xưng với tính từ sở hữu.

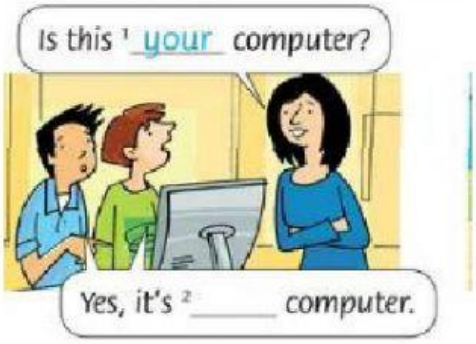
WE	MY
I	ITS
HE	HER
YOU	HIS
THEY	OUR
IT	YOUR
SHE	THEIR

LIVEWORKSHEETS

2. Choose the correct word.

1. It is she / her house.
2. I / my have a dog
3. This is our / we farm.
4. They love they / their school.
5. We / our live in Spain.
6. Has she / her got a ruler?
7. Those are his / he glasses.
8. He is my / I grandfather.
9. That is you / your sandwich.
10. It's / Its legs are short.
11. He has a car. Her / his car is red.
12. I have a dog. Its / his tail is long.

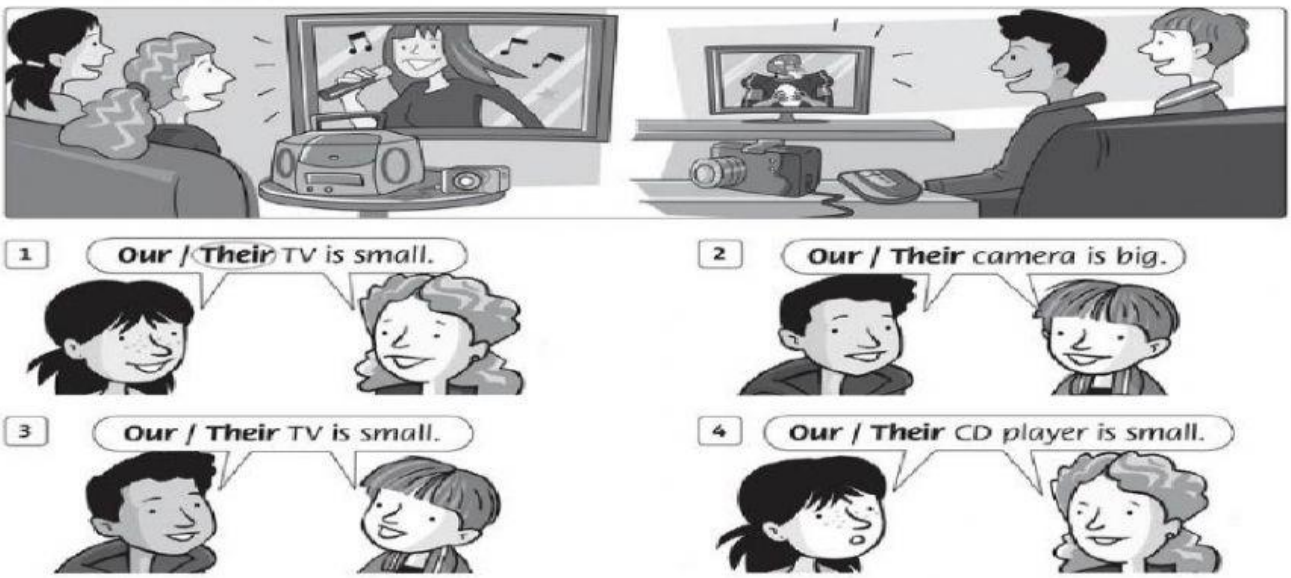
3. Write: "your", "our", "their"- Điền "your", "our", "their" vào ô trống.







4. Choose the correct word – Chọn từ đúng.



LIVEWORKSHEETS